

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH HÀ NAM

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: **25** /2015/NQ-HĐND

Hà Nam, ngày **02** tháng 12 năm 2015

NGHỊ QUYẾT

Về quy định các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư
phát triển bằng nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2016 - 2020 tỉnh Hà Nam

ĂN PHÒNG UBND H. DUY TIẾN

ÔNG
VĂN
ĐẾN
Số.....**2815**
Ngày.....**23/12/2015**
Chuyển cho.....

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH HÀ NAM
KHOÁ XVII - KỲ HỌP THỨ MƯỜI BỐN

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân năm 2003;

Căn cứ Luật Đầu tư công năm 2014;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước năm 2002;

Căn cứ Nghị định số 60/2003/NĐ-CP ngày 06 tháng 6 năm 2003 của
Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật ngân sách nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg ngày 14 tháng 9 năm 2015 của Thủ
tướng Chính phủ Ban hành các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu
tư phát triển bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước giai đoạn 2016 - 2020;

Sau khi xem xét Tờ trình số 2558/TTr-UBND ngày 27/11/2015 của
UBND tỉnh về các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư phát
triển bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước giai đoạn 2016 - 2020 tỉnh Hà Nam,
Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - ngân sách và ý kiến thảo luận của các đại
biểu HĐND tỉnh,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn
đầu tư phát triển bằng nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2016 - 2020 trên địa
bàn tỉnh Hà Nam.

2. Đối tượng áp dụng:

a) Các tổ chức và cá nhân quản lý, sử dụng nguồn vốn đầu tư phát triển từ
ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Hà Nam.

b) Cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia hoặc có liên quan đến lập kế hoạch
đầu tư trung hạn và hằng năm nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2016-2020.

Điều 2. Nguồn vốn đầu tư phát triển từ ngân sách nhà nước

1. Vốn cân đối ngân sách địa phương, gồm: Vốn ngân sách tập trung (vốn
đầu tư trong cân đối phân bổ từ ngân sách trung ương cho địa phương) và vốn
đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất của địa phương.

2. Vốn bổ sung có mục tiêu từ ngân sách Trung ương, gồm: Vốn Chương trình mục tiêu quốc gia và Vốn hỗ trợ theo mục tiêu của Chính phủ.

3. Vốn thu từ xổ số kiến thiết.

4. Các nguồn vốn ngân sách nhà nước khác theo Luật Ngân sách Nhà nước và Luật Đầu tư công.

Điều 3. Nguyên tắc phân bổ vốn đầu tư phát triển bằng nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2016 - 2020

1. Nguyên tắc phân bổ vốn đầu tư phát triển giai đoạn 2016 - 2020

a) Việc phân bổ vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2016-2020 phải tuân thủ các quy định của Luật Đầu tư công, Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản pháp luật liên quan.

b) Việc phân bổ vốn đầu tư phát triển từ ngân sách nhà nước phải phục vụ định hướng đổi mới đầu tư phát triển giai đoạn đến 2020 tầm nhìn đến 2030 và kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2016-2020, theo Quy hoạch phát triển tổng thể phát triển kinh tế - xã hội và các Quy hoạch ngành, lĩnh vực được các cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Đảm bảo việc quản lý tập trung, thống nhất về mục tiêu, cơ chế và thực hiện phân cấp đầu tư theo quy định của pháp luật và các quy định hiện hành của địa phương.

c) Bảo đảm hợp lý giữa việc phục vụ các mục tiêu phát triển của tỉnh với các địa phương trong tỉnh; thu hẹp khoảng cách về trình độ phát triển, thu nhập và mức sống dân cư giữa các huyện, thành phố. Thực hiện hỗ trợ vốn đầu tư từ ngân sách tỉnh cho các xã xây dựng nông thôn mới; chú trọng các xã, vùng còn khó khăn. Định mức chi đầu tư phát triển từ nguồn vốn ngân sách tập trung phân cấp cho huyện, thành phố ổn định 5 năm 2016- 2020 với mức năm sau không thấp hơn năm trước.

d) Phù hợp với khả năng cân đối vốn đầu tư từ nguồn ngân sách nhà nước. Bảo đảm sử dụng vốn ngân sách có hiệu quả, tạo điều kiện thu hút, huy động các nguồn vốn khác cho đầu tư phát triển; bảo đảm tính công khai, minh bạch, công bằng trong phân bổ vốn đầu tư.

đ) Các dự án được bố trí vốn phải trong quy hoạch, kế hoạch đầu tư trung hạn 2016-2020, có đủ thủ tục đầu tư theo quy định.

e) Bố trí vốn tập trung đảm bảo hiệu quả đầu tư, theo thứ tự ưu tiên: Thanh toán nợ vay ứng; bố trí cho các dự án hoàn thành nhưng chưa bố trí đủ vốn; dự án dự kiến hoàn thành trong kỳ kế hoạch; vốn đối ứng cho dự án sử dụng vốn vay ODA và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài, dự án chuyển tiếp, dự án khởi công mới;

g) Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố dự kiến phân bổ chi tiết 90% tổng mức vốn kế hoạch đầu tư trung hạn theo danh mục và mức vốn cho từng dự án, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt; dành lại dự phòng 10% tổng mức vốn kế hoạch đầu tư trung hạn để xử lý các vấn đề phát sinh trong quá trình thực hiện kế hoạch đầu tư trung hạn của địa phương.

2. Phân bổ vốn đầu tư phát triển thuộc ngân sách địa phương

Tỷ lệ phân bổ vốn đầu tư phát triển thuộc ngân sách địa phương:

a) Vốn ngân sách tập trung: Ngân sách tỉnh 70%; ngân sách huyện, thành phố: 30%.

b) Vốn đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất: Thực hiện theo Nghị quyết về phân cấp nguồn thu, tỷ lệ phần trăm từng nguồn thu, nhiệm vụ chi ngân sách các cấp.

c) Vốn thu từ xổ số kiến thiết: Ngân sách tỉnh 100%, bố trí đầu tư cho lĩnh vực giáo dục - đào tạo.

Điều 4. Tiêu chí, định mức phân bổ vốn đầu tư phát triển nguồn vốn ngân sách tập trung trong cân đối của địa phương đối với huyện, thành phố

1. Tiêu chí:

a) Tiêu chí dân số.

b) Tiêu chí về trình độ phát triển, gồm: Tỷ lệ hộ nghèo, số thu nội địa (không bao gồm thu sử dụng đất).

c) Tiêu chí diện tích, gồm: Diện tích đất tự nhiên, tỷ lệ diện tích đất trồng cây hàng năm trên tổng diện tích đất tự nhiên.

d) Tiêu chí số đơn vị hành chính cấp xã, gồm: Số đơn vị hành chính cấp xã.

2. Xác định điểm số từng tiêu chí cụ thể

Các tiêu chí năm 2016 được tính toán theo số liệu cụ thể từng thời điểm từ năm 2014 đến năm 2015, các năm tiếp theo từ năm 2017 - 2020, lấy số liệu năm trước liền kề theo công bố chính thức của các cơ quan có thẩm quyền để tính toán từng tiêu chí.

a) Tiêu chí dân số: Lấy dân số trung bình năm 2014 được Cục Thống kê tỉnh công bố.

Số dân trung bình	Điểm
Đến 100 ngàn người	10
Trên 100 ngàn người, cứ tăng thêm 10 ngàn người được thêm	1

b) Tiêu chí về trình độ phát triển

Điểm của tiêu chí hộ nghèo: Căn cứ số liệu điều tra hộ nghèo năm 2014, theo quyết định số 151/QĐ-UBND ngày 30/01/2015 của UBND tỉnh.

Tỷ lệ hộ nghèo	Điểm
Đến 3 %	1,5
Trên 3%, cứ tăng thêm 1% được	0,5

Điểm của tiêu chí thu nội địa (không bao gồm tiền thu sử dụng đất). Căn cứ dự toán thu ngân sách nhà nước năm 2015 được UBND tỉnh giao.

Thu nội địa	Điểm
Đến 30 tỷ đồng	1
Từ 30 tỷ đồng đến 50 tỷ đồng, cứ 1 tỷ đồng tăng thêm được	0,1
Từ trên 50 tỷ đồng đến 80 tỷ đồng, cứ 1 tỷ đồng tăng thêm được	0,2
Từ trên 80 tỷ đồng đến 150 tỷ đồng, cứ 1 tỷ đồng tăng thêm được	0,3
Từ trên 150 tỷ đồng, cứ 1 tỷ đồng tăng thêm được	0,4

c) Tiêu chí diện tích: Lấy theo số liệu diện tích đất tự nhiên tính đến ngày 01/01/2015 do Cục Thống kê cung cấp và diện tích trồng cây hàng năm tính đến ngày 01/01/2014 do Sở Tài nguyên và Môi trường cung cấp.

Điểm của tiêu chí diện tích đất tự nhiên:

Diện tích đất tự nhiên	Điểm
Đến 5.000 ha	5
Từ trên 5.000 ha đến 10.000 ha, cứ thêm 1.000 ha được	0,5
Từ trên 10.000 ha, cứ thêm 1.000 ha được	0,3

Điểm của tiêu chí tỷ lệ diện tích đất trồng cây hàng năm trên tổng diện tích đất tự nhiên.

Tỷ lệ diện tích đất trồng cây hàng năm trên diện tích đất tự nhiên	Điểm
Đến 20%	0
Từ trên 20% đến 30, cứ thêm 1% được	0,3
Từ trên 30%, cứ thêm 1% được	0,5

d) Tiêu chí đơn vị hành chính cấp xã: Mỗi đơn vị cấp xã tính 1 điểm.

3. Xác định mức vốn phân bổ cho mỗi huyện, thành phố:

Gọi A là số vốn hàng năm từ ngân sách tập trung phân cấp cho ngân sách huyện thành phố (tính theo khoản 2 Điều 3).

Căn cứ vào các tiêu chí, định mức ở khoản 2, Điều 4, xác định cụ thể số điểm của từng huyện, thành phố (gọi là B_i). Tổng số điểm (B) = tổng số điểm của 6 huyện, thành phố.

$$\text{Vốn định mức cho 1 điểm (K)} = \frac{A (\text{Tổng số vốn})}{B (\text{Tổng số điểm})}$$

Số vốn của từng huyện, thành phố được phân bổ (V_i): $V_i = K \times B_i$

Điều 5. Nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn đầu tư phát triển thuộc vốn Chương trình mục tiêu quốc gia và Chương trình hỗ trợ theo mục tiêu của Chính phủ, thực hiện theo quy định của Chính phủ.

Điều 6. Tổ chức thực hiện

1. Nghị quyết có hiệu lực sau 10 ngày kể từ ngày thông qua.
2. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết.
3. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Hà Nam khoá XVII, kỳ họp thứ mười bốn thông qua ngày 02 tháng 12 năm 2015./.

Nơi nhận:

- UBND Quốc hội;
- Chính phủ;
- Các Bộ: Tư pháp, Kế hoạch - DT;
- BTV Tỉnh ủy;
- TT HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh;
- UBNDTTQ tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Các Ban HĐND tỉnh;
- Các đại biểu HĐND tỉnh;
- TTHĐND, UBND các huyện, thành phố;
- Công báo tỉnh;
- Lưu VT.

CHỦ TỊCH



Mai Tiến Dũng